



INCOMFISH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
A 77/I Đường số 7 KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: 848. 3 7653145 Fax: 848. 3 7653136 E.mail: incomfish@incomfish.com Website: www.incomfish.com

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I.1 Tổng quan về Công ty

- ❖ Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**
- ❖ Tên tiếng Anh : **INVESTMENT COMMERCE FISHERIES CORPORATION**
- ❖ Tên viết tắt : **INCOMFISH**
- ❖ Trụ sở chính : Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.
- ❖ Điện thoại : (84-8) 37 653 145
- ❖ Fax : (84-8) 37 653 136 / (84-8) 37 652 162
- ❖ E-mail : incomfish@incomfish.com
- ❖ Website : www.incomfish.com
- ❖ Giấy CNĐKKD : Giấy chứng nhận ĐKKD số 064100 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp lần đầu ngày 01/9/1999, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 16/3/2000, thay đổi lần 2 ngày 04/12/2000, thay đổi lần 3 ngày 08/12/2000, thay đổi lần 4 ngày 15/3/2001, thay đổi lần 5 ngày 18/6/2001, thay đổi lần 6 ngày 13/6/2002, thay đổi lần 7 ngày 31/7/2002, thay đổi lần 8 ngày 07/4/2004, thay đổi lần 9 ngày 03/8/2004, thay đổi lần 10 ngày 17/12/2004, thay đổi lần 11 ngày 16/01/2006, thay đổi lần 12 ngày 02/11/2006, thay đổi lần 13 ngày 29/6/2007, thay đổi lần 14 ngày 16/10/2007, thay đổi lần 15 ngày 07/01/2008 và thay đổi lần 16 ngày 25/02/2008.
- ❖ Tài khoản : 007.100.1099541 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, CN Tp. Hồ Chí Minh
- ❖ Mã số thuế : 0 3 0 1 8 0 5 6 9 6
- ❖ **Nghành nghề kinh doanh được cấp giấy phép**
 - Nuôi trồng thủy sản;
 - Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
 - Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu mua, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá – tôm giống, chế biến cá và

thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;

- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản rau quả và các sản phẩm từ rau quả;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai;
- Sản xuất nước đá;
- Xây dựng công nghiệp – dân dụng – cầu đường;
- Nhà hàng ăn uống, giải khát;
- Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, kho bãi;
- Mua bán hàng nông lâm thủy hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gỗ gia dụng;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đào tạo nghề;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ kiểm đếm, xếp dỡ hàng hóa, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không;
- Cho thuê phương tiện vận tải;
- Đại lý vận tải bằng đường biển và đường hàng không;
- Môi giới thương mại;
- Đại lý bán vé máy bay;
- Mua bán xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng xe; thiết bị viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.

I.2 Quá trình hình thành và phát triển của tổ chức niêm yết

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (INCOMFISH) được thành lập ngày 01/9/1999 với lĩnh vực hoạt động chính là đầu tư, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng thủy sản đông lạnh.

Là Công ty được thành lập trên cơ sở đóng góp của các cổ đông là thể nhân và pháp nhân mới dưới hình thức Công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp.

Đến năm 2001, căn cứ theo kế hoạch định hướng khi thành lập đảm bảo phát triển Công ty bền vững và lâu dài, đồng thời để chủ động nguồn cung cấp sản phẩm cho xuất khẩu, Công ty đã triển khai dự án xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc – Tp. Hồ Chí Minh.

Sau hơn một năm xây dựng từ năm 2001 đến tháng 6/2002, Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu với công suất sản xuất ổn định các mặt hàng có giá trị gia tăng là 6.500 tấn/năm đã đi vào sản xuất thử, sau đó đi vào sản xuất chính thức từ đầu năm 2003 cho đến nay.

Nhà máy Incomfish được đầu tư để chế biến thủy sản, thực phẩm với đa dạng sản phẩm, được trang bị máy móc thiết bị với công nghệ tiên tiến và đồng bộ.

Ngay từ khi bắt đầu hoạt động, Công ty Incomfish đã áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng xuyên suốt quá trình sản xuất để đảm bảo đạt tiêu chuẩn cao về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm như: HACCP, BRC (Brittish Retail Consortium), IFS (Intrenational Food Standard), ACC (Aquaculture Certificate Council), MSC (Marine Stewardships Council). Ngoài ra, từ năm 2008 Công ty là Doanh nghiệp đầu tiên của ngành Thủy sản thực hiện tiêu chuẩn về Trách nhiệm Xã hội đối với người lao động theo tiêu chuẩn quốc tế SA 8000 (Social Accountability). Đồng thời, Công ty cũng áp dụng hệ thống quản lý các qui trình vận hành của Công ty theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Các tiêu chuẩn nói trên, hằng năm vẫn được duy trì và đạt yêu cầu khi tái đánh giá.

Ngoài đội ngũ quản lý chất lượng được đào tạo chuyên nghiệp, Công ty Incomfish còn quy tụ được đội ngũ nhà quản lý gồm những người quản trị Công ty đã kinh qua lĩnh vực chế biến, xuất khẩu thủy sản, có gần 30 năm kinh nghiệm trên thương trường quốc tế.

Với mặt hàng chủ lực là các sản phẩm giá trị gia tăng trực tiếp phân phối tại các siêu thị ở Châu Âu, Nhật Bản, Hoa Kỳ và một số thị trường đặc biệt khó tính khác, ... đã tạo cho Công ty Incomfish có lợi thế cạnh tranh cao so với các nhà máy khác trong nước và khu vực.

Công ty Incomfish được phép xuất khẩu sản phẩm thủy sản vào thị trường EU với các code: DL 189, DL 368, NM 188 và HK 187. Bên cạnh đó, Công ty còn cung cấp thực phẩm cho cộng đồng Hồi giáo trên toàn thế giới thông qua giấy chứng nhận HALAL do tổ chức Hồi giáo quốc tế cấp.

Công ty là thành viên của Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) và Phòng công nghiệp và thương mại Việt Nam (VCCI).

Vào ngày 29/11/2006, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận số 47/TTGDHN-ĐKGD về việc được đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và đã giao dịch phiên đầu tiên vào ngày 18/12/2006. Sau một năm giao dịch tại Hà nội, Công ty đã chuyển về giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HoSE) theo Quyết định số 170/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2007 của HoSE và bắt đầu giao dịch tại HoSE từ ngày 18/12/2007 cho đến nay.

1.3 Định hướng phát triển

Với phương châm “Chất lượng hôm nay - Thị trường ngày mai” Công ty Incomfish đã định hướng chiến lược phát triển lâu dài và bền vững. Công ty đã không ngừng nâng cao vai trò quản lý chất lượng sản phẩm để thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong và ngoài nước.

Để không ngừng đa dạng hóa sản phẩm, đa phương hóa thị trường, Công ty đã có kế hoạch hợp tác đầu tư xây mới Nhà máy đông lạnh ở tỉnh Đồng Tháp trong chương trình hợp tác kinh tế, xã hội giai đoạn từ năm 2007 - 2010 giữa UBND Tp. Hồ Chí Minh và UBND Tỉnh Đồng Tháp.

Dự án Nhà máy đông lạnh Đồng Tháp (Công ty Cổ phần Thương mại Thủy sản Á châu – Acomfish) đã bắt đầu sản xuất thử vào ngày 06/3/2010 và đã đi vào sản xuất chính thức từ ngày 01/10/2010. Tuy vào thời điểm này tình hình nguyên liệu cũng như thị trường tiêu thụ có phần thu hẹp nhưng Nhà máy Acomfish vẫn duy trì hoạt động và từng bước nâng dần sản lượng, đặc biệt Acomfish được hưởng thuế suất vào thị trường Mỹ bằng 0%. Đây là một lợi thế trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt hiện nay.

Ngoài ra, với chiến lược phát triển về trung và dài hạn, Công ty cũng đã quyết định đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, thương mại với việc góp vốn vào Công ty TNHH Thương mại VEGA đầu tư Dự án tại Linh Xuân, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Sản xuất - Kinh doanh - Dịch vụ Saga để xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê (tại số 32 đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh). Đây là một vị trí mang tính chiến lược tọa lạc tại trung tâm thành phố Hồ Chí Minh. Dự án đã được triển khai và dự kiến khởi công vào năm 2009 nhưng do tình hình khủng hoảng tài chính toàn cầu kéo dài đến nay làm ảnh hưởng đến tiến độ của Dự án, do vậy Dự án này sẽ khởi động trở lại vào thời điểm thích hợp.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2010 kết thúc với đặc điểm nổi bật là thời điểm mà ngành Thủy sản Việt nam phải vượt qua nhiều khó khăn do ảnh hưởng của việc suy thoái kinh tế toàn cầu, thiên tai, dịch bệnh...Tiếp theo năm 2009, năm 2010 tiếp tục chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng và suy thoái kinh tế và khả năng sẽ kéo dài đến hết năm 2011, việc này đã tác động trực tiếp đến sản xuất kinh doanh của các Công ty thủy sản VN, trong đó có Công ty Incomfish.

Trong tình hình kinh tế khó khăn chung và ngành thủy sản nói riêng, công ty cũng gặp phải những khó khăn nhất định. Đầu năm, do lạm phát nên đã đẩy vật giá tăng cao, giá nguyên vật liệu tăng hơn 20% so với năm 2009, đặc biệt giá nguyên liệu tôm đã có thời điểm tăng gần 50%, đẩy chi phí sản xuất và giá thành lên cao, lãi suất cho vay của ngân hàng tăng, thị trường thu hẹp...làm giảm sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Bên cạnh đó chính quyền EU thực hiện qui định chống khai thác không khai báo và không quản lý (IUU) đối với hàng hải sản nên nguồn nguyên liệu giảm đáng kể.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 đã đem lại hiệu quả trong điều kiện khó khăn nhất định đó nên doanh thu năm 2010 chỉ đạt 307,739 tỷ đồng, bằng 70% so với năm 2009, lợi nhuận sau thuế cũng đạt được 20,227 tỷ đồng, bằng 73% so với năm 2009.

Đứng trước những khó khăn chung, Hội đồng Quản trị Công ty đã đưa ra những biện pháp nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, không ngừng giám sát và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành Công ty. Hội đồng quản trị cũng thúc đẩy sự hoạt động hữu hiệu của Ban kiểm toán nội bộ để lập hệ thống

kiểm soát và báo cáo kịp thời, đánh giá và thông qua hệ thống giám sát rủi ro; sự tuân thủ nội bộ và qui tắc hành xử... Từ đó giúp Tổng giám đốc kịp thời đưa ra những quyết định và biện pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cho Công ty và hạn chế tối đa những rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Và kết quả lợi nhuận sau thuế tuy không đạt mục tiêu đề ra nhưng cũng giữ được các khách hàng lớn và nguồn lao động hiện có, nhằm duy trì nhịp độ phát triển cho năm 2011 và những năm tiếp theo trong bối cảnh thật sự quá khó khăn về nhiều mặt của những tháng cuối năm 2010 và đầu năm 2011. Dù sao, đây cũng là kết quả đáng kể trong điều kiện khó khăn chung của thế giới cũng như trong nước.

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ 2009 và các mục tiêu chiến lược cho năm 2010 - 2013, các kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, các dự án hợp tác góp vốn, mở rộng thị trường nhằm đa dạng hóa sản phẩm, đa phương hóa thị trường; Hội đồng Quản trị Công ty đã đưa ra định hướng chiến lược dài hạn cho Công ty, bằng cách mở rộng nhiều lĩnh vực hoạt động, nhanh chóng nắm bắt thời cơ khi điều kiện cho phép nhằm đa dạng hóa ngành nghề. Cụ thể trong năm 2010 đã thực hiện được như sau:

- Dự án Nhà máy đông lạnh tại tỉnh Đồng Tháp: đã nỗ lực để hoàn thiện giai đoạn 1 để đưa Nhà máy vận hành thử vào ngày 06/3/2010 và đi vào hoạt động chính thức trong tháng 10/2010.

- Xây dựng Dự án Nâng cao công suất cấp đông IQF tăng thêm 1.000 kgs sản phẩm/giờ, nhằm đáp ứng nhu cầu tăng sản lượng và mở rộng thị trường Mỹ, EU vào quý 2/2011.

- Riêng Dự án xây dựng Cao ốc văn phòng tại 32 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh: Công ty đã góp 39.600.000.000 VNĐ vào Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Saga để đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê, nhưng do tình hình khủng hoảng tài chính từ năm 2008 kéo dài đến nay không thuận lợi nên chưa tiến hành xây dựng.

Triển khai hợp tác đầu tư với một số trang trại nuôi tôm để ổn định nguồn nguyên liệu và tiến tới thực hiện chứng nhận chứng chỉ Global GAP cho các vùng nuôi nguyên liệu nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của công ty sau này.

Song song với các Dự án trên, Hội đồng Quản trị đã quan tâm chú trọng đến triển vọng của ngành Chế biến Thủy sản trên thế giới để đưa ra chiến lược lâu dài, trước mắt chú trọng vào các mặt hàng giá trị gia tăng, chất lượng cao và đa dạng hóa sản phẩm để tạo lợi thế cạnh tranh khác biệt cho Công ty. Các sản phẩm của Công ty được các thị trường EU, Mỹ, Nhật bản, ... chấp nhận. Đó là các thị trường khó tính và đòi hỏi chất lượng cao, đạt các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm từ con giống, thức ăn, vật nuôi đến bàn ăn. Công ty đã được các Khách hàng lớn trên thế giới tín nhiệm và đặt hàng.

Từ đó, để phát huy thế mạnh của mình, đồng thời nâng cao vai trò quản lý của Ban điều hành Công ty, Hội đồng Quản trị đã đề nghị Ban Tổng giám đốc phát động phong trào tiết kiệm nguyên vật liệu, tăng năng suất lao động nhằm sản xuất ra sản phẩm tốt nhất và hiệu quả nhất với lời hiệu triệu "Tiết kiệm, chất lượng - vì INCOMFISH ngày mai". Được sự đồng thuận cao của toàn thể CNV, sản phẩm Incomfish đã luôn đáp ứng yêu cầu của thị trường và duy trì được mối quan hệ với

Khách hàng trong điều kiện suy thoái kinh tế toàn cầu. Phong trào này được tiếp tục duy trì liên tục và được Ban Kiểm toán nội bộ theo dõi đánh giá cụ thể.

Bước vào năm 2011 còn nhiều khó khăn, thách thức. Để vượt qua được giai đoạn vô cùng khó khăn này, tôi mong rằng HĐQT và Ban TGD Công ty sẽ nỗ lực hơn nữa, vượt qua khó khăn, tận dụng các cơ hội để biến thách thức thành cơ hội phát triển cho Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Tôi xin chúc toàn thể quý vị Cổ đông dồi dào sức khỏe, gặp nhiều may mắn trong cuộc sống, hạnh phúc, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

III. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản quy định về nhiệm vụ, chức năng và quyền hạn của Ban Kiểm soát tại Chương X;
- Thực hiện Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Căn cứ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo Tài chính năm 2010 của Công ty;
- Căn cứ Kết quả kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2010 của Công ty Kiểm toán DFK Việt nam.

Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 được tổ chức ngày 22/4/2011 tại Hội trường của Công ty Incomfish như sau:

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN BAN KIỂM SOÁT

-oOo-

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2011

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2010

- Kính thưa toàn thể Đại hội,
- Kính thưa Hội đồng Quản trị,
- Thưa các quý vị đại biểu,

Kết thúc năm 2010, một năm nhiều khó khăn, trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và quốc tế còn nhiều bất ổn; mặc dù bước đầu đã vượt qua được những ảnh hưởng của khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu, hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản đã đạt được những kết quả khích lệ, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn tới.

Với trách nhiệm, chức năng và quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, quy chế hoạt động của Công ty niêm yết, Ban Kiểm soát trong năm 2010 đã hoàn thành các công việc cụ thể như giám sát, kiểm tra tính tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty liên quan tới công tác kế toán, đầu tư góp vốn .v.v. ; triển khai việc

định kỳ kiểm tra các Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản.

Thay mặt Ban Kiểm soát, tôi xin báo cáo Đại hội các nội dung sau:

1. Về tình hình tài chính của Công ty:

Ban Kiểm soát thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính năm 2010 đã được Ban Tổng giám đốc và Phòng Kế toán của Công ty lập và được Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam đã kiểm toán. Báo cáo tài chính đã phản ánh chính xác tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Kết quả hoạt động kinh doanh và Tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ 01/01/2010 đến 31/12/2010, phù hợp với các quy định của hệ thống kế toán hiện hành.

Các chỉ tiêu cơ bản thực hiện trong năm 2010 theo Báo cáo tài chính (phần này được báo cáo cụ thể của Bp. Tài chính)

2. Đánh giá việc tuân thủ pháp luật, thực hiện các Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng Quản trị:

Là một Công ty đại chúng có cổ phiếu được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HoSE), việc duy trì được hiệu quả kinh doanh nhất định, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật là một nhiệm vụ quan trọng.

Các hoạt động của Công ty trong năm 2010 được đảm bảo phát triển nhưng vẫn an toàn bền vững, tuân thủ theo đúng luật pháp. Việc triển khai thực hiện theo các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông và Hội đồng Quản trị cũng đã được giám sát chặt chẽ đảm bảo đúng định hướng đề ra; thông qua công tác giám sát, kiểm tra được thực hiện tại Công ty.

3. Công tác giám sát, kiểm tra thực hiện Quy chế quản trị nội bộ Công ty:

Nhờ việc thực hiện nghiêm túc quy chế quản trị công ty, Hội đồng Quản trị đã chủ động trong việc giám sát và điều hành kịp thời chiến lược kinh doanh cũng như các chính sách cụ thể trong hoạt động của Công ty. Trong năm qua Ban Kiểm soát cũng đã đẩy mạnh việc thực hiện kiểm tra, kiểm soát theo Quy chế làm việc của Ban Kiểm soát nhằm tăng cường việc kiểm tra định kỳ, đột xuất, nâng cao chất lượng cũng như tính độc lập của hoạt động kiểm soát.

Năm 2011, với những kết quả đã đạt được trong năm 2010, khối lượng công việc và các thách thức từ thị trường đang đặt ra những nhiệm vụ hết sức nặng nề cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và từng phòng ban nghiệp vụ. Khó khăn còn nhiều, đòi hỏi sự nỗ lực của từng thành viên trong công ty cũng như sự ủng hộ và tin tưởng của Quý vị cổ đông.

Trong hoạt động của mình, để phát huy được vai trò kiểm soát ở mức cao nhất, Ban Kiểm soát sẽ phải nỗ lực nhiều hơn nữa và rất mong sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của các Quý vị cổ đông, cũng như của Hội đồng Quản trị, cùng với sự hợp tác và phối hợp của Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận nghiệp vụ trong Công ty.

Chân thành cảm ơn.

NGUYỄN THỊ NGỌC THẢO
Trưởng Ban Kiểm Soát

IV. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

IV.1 Báo cáo tình hình tài chính :

Phân tích tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2009
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
Bố trí cơ cấu tài sản		
- Tài sản cố định / Tổng tài sản (%)	42,84 %	45,59%
- Tài sản lưu động / Tổng tài sản (%)	57,16 %	54,41%
Bố trí cơ cấu nguồn vốn		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn (%)	52,47 %	47,93%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn (%)	47,53 %	52,07%
2. Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1,11	0,03
Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1,91	2,09
3. Tỷ suất lợi nhuận		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản (%)	5,80%	8,51%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu thuần (%)	7,16%	7,05%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH (%)	15,79%	21,63%
Cổ phiếu, cổ tức:		
Tổng số cổ phiếu thường		12.807.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		12.807.000 cổ phiếu
Lợi nhuận sau thuế	20,227 tỷ	27,702 tỷ
Cổ tức năm 2010		Dự kiến 1.300 đồng/CP

IV.2 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010

Công tác điều hành quản lý

- Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2009 đã được Đại hội thông qua;
- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010 đã được Hội đồng Quản trị thông qua.

Công ty đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2010, đây là năm của hậu khủng hoảng toàn cầu và tác động không nhỏ đến kinh tế Việt nam. Đặc biệt, ngành Thủy sản gặp không ít khó khăn riêng của đặc điểm ngành nghề: về thời tiết thay đổi thất thường, tình hình nuôi trồng cung không đủ cầu, làm cho giá Tôm nguyên liệu tăng liên tục vào những tháng cuối năm 2010 và kéo dài sang những tháng đầu năm 2011, cho đến hôm nay vẫn chưa dừng lại, tăng 40-50% so với cùng kỳ năm 2009, làm cho giá thành sản phẩm tăng đột biến trong khi đó giá bán không tăng theo kịp. Bên cạnh đó, giá xăng dầu tăng cao làm cho ngư dân không đi đánh bắt hoặc đánh bắt với giá thành cao, không hiệu quả nên tàu thuyền phải nằm bờ dài ngày, nguyên liệu từ khai thác biển giảm một cách rõ rệt.

Tuy năm 2010, Công ty đã gặp khó khăn nhiều hơn thuận lợi và phải đối đầu với thị trường quốc tế có nhiều khó khăn chung, ngoài ra còn có biến động bất lợi, rào cản kỹ thuật, phi hải quan ... thuế bán chống phá giá cả Tôm lẫn Cá Tra đều bị DOC - Bộ Thương mại Hoa kỳ kéo dài thêm 5 năm nữa, làm cho các Nhà máy phải đeo đuổi “cuộc chiến” này với chi phí cho Luật sư không nhỏ, nhưng Công ty đã nỗ lực, phấn đấu không ngừng và nhạy bén vận dụng các biện pháp thích ứng kịp thời để giữ vững nhịp sản xuất và phát triển nhằm đạt được những mục tiêu của Hội đồng Quản trị cũng như của toàn thể Cổ đông là đạt được lợi nhuận nhất định, phát triển Công ty ngày càng bền vững.

Đối với các Cán bộ, nhân viên quản lý, chúng tôi thường xuyên tổ chức đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ thông qua các chương trình hợp tác quốc tế và trong nước do các Trung tâm đào tạo tổ chức. Thường xuyên cập nhật thông tin, nâng cao năng lực quản lý, xử lý kịp thời những tình huống của thị trường luôn biến động. Đã tổ chức thi tay nghề cho Công nhân, qua đó hầu hết Công nhân đã được nâng bậc tạo động lực cho Công nhân yên tâm, ổn định làm việc.

Chúng tôi cũng đã có kế hoạch tăng cường thiết bị chế biến, cấp đông và đóng gói nhằm để tăng năng suất lao động cho Công nhân, tăng sản lượng và giá trị xuất khẩu, nhưng do có nhiều biến động về thị trường, tài chính nên Dự án đầu tư dự kiến thực hiện trong năm 2010 phải chuyển sang trong quý 2/2011.

Liên tục tham gia các Hội chợ Thủy sản Quốc tế được tổ chức hằng năm tại Boston ở Mỹ, Brussell ở Bỉ, nhằm quảng bá sản phẩm truyền thống và các sản phẩm mới từ thiết bị mới đã đầu tư và tìm kiếm thêm Khách hàng mới.

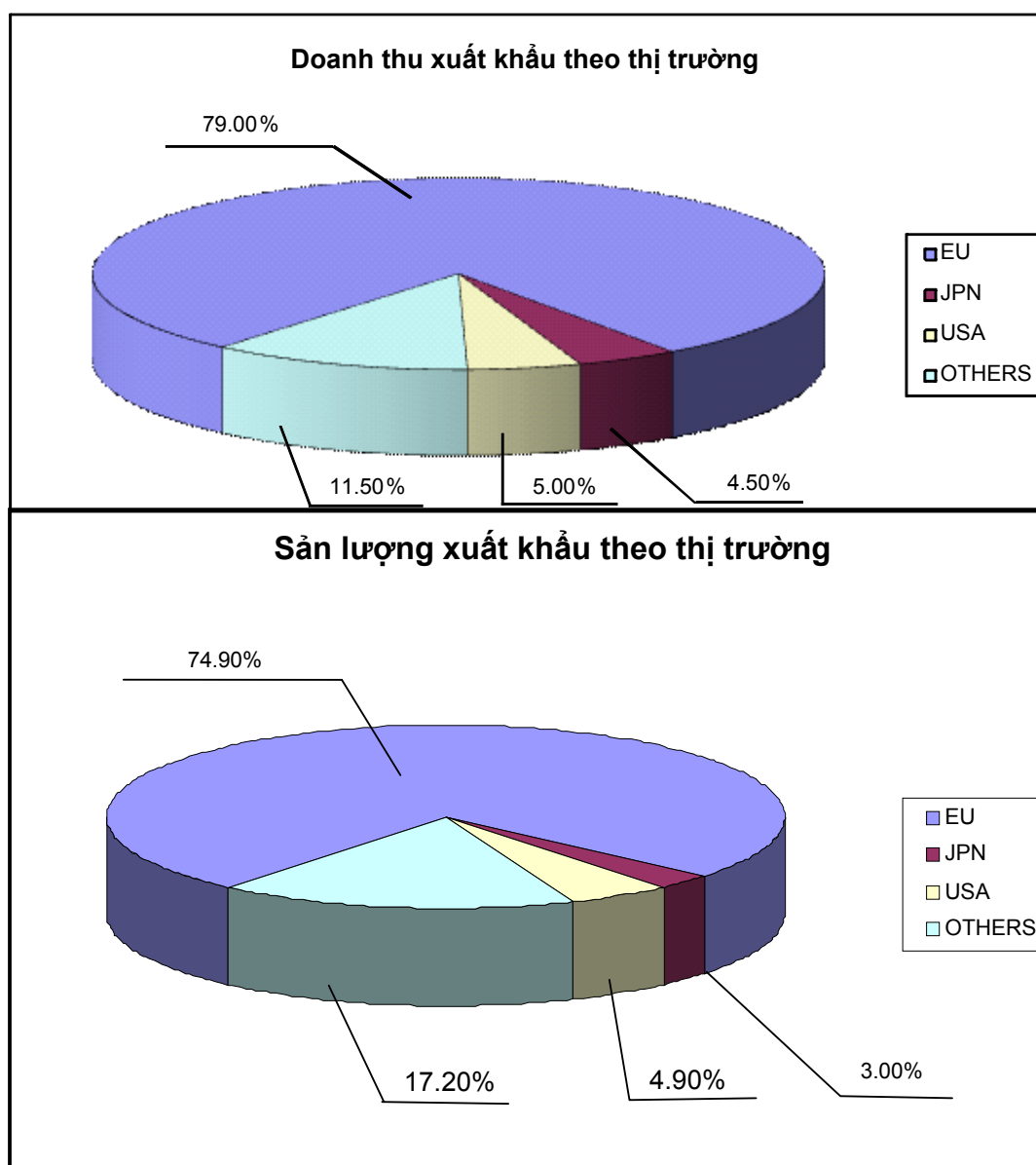
Qua những nỗ lực và đoàn kết quyết tâm của toàn thể CB-CNV nhằm thực hiện được những mục tiêu đã nêu ở trên, chúng tôi đã đạt được những kết quả như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2009	% so với năm 2009
1/ Tổng số lao động	699 người	758 người	92,21

Trong đó	Trực tiếp sản xuất	598 người	658 người	90,88
	Gián tiếp sản xuất	101 người	110 người	91,81
2/ Lương bình quân (VNĐ/người/tháng)		2,850 triệu	2,606 triệu	109,36
3/ Tổng doanh thu (VNĐ)		307,740 tỷ	447,109 tỷ	68,82
4/ Sản lượng xuất khẩu		2.825 tấn	4.088 tấn	69,10
5/ Tổng tài sản (VNĐ)		377,287 tỷ	367,194 tỷ	102,75
6/ Lợi nhuận trước thuế (VNĐ)		21,894 tỷ	30,039 tỷ	72,88
7/ Lợi nhuận sau thuế		20,227 tỷ	27,702 tỷ	73,02
8/ Vốn chủ sở hữu		128,070 tỷ	128,070 tỷ	100,00
9/ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu		7,16%	6,72%	105,80
10/ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH		15,79%	21,63%	73,00

Cơ cấu thị trường xuất khẩu năm 2010

Công ty vẫn duy trì ổn định ở các thị trường truyền thống là Châu Âu, Mỹ và Nhật Bản. Tỷ lệ % ngoại tệ và sản lượng xuất khẩu theo từng thị trường như sau:



Quản lý chất lượng

Với phương châm hoạt động: Chất lượng là sự sống còn của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm; luôn luôn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm cho bất cứ khách hàng, thị trường khó tính nào.

Duy trì điều kiện và đạt tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường Châu Âu, Mỹ và Nhật Bản. Đảm bảo kết quả kiểm tra định kỳ của Nafiqaved (nay là NAFIQAD – Cục quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) đạt loại A.

Phòng kiểm nghiệm của Công ty luôn hoạt động hiệu quả, chính xác, kịp thời để Công ty chủ động kiểm soát từ nguyên liệu đến thành phẩm trong suốt quá trình hoạt động của nhà máy để nhằm hạn chế tối đa những rủi ro, sai lỗi trong quy trình sản xuất. Phòng Kiểm nghiệm đã đạt Giấy chứng nhận Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 : 2005.

Hoạt động tài chính

Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ tài chính kế toán theo đúng quy định của Nhà nước. Thực hiện tốt các chính sách về thuế.

Các chính sách đối với Người lao động

Đảm bảo ổn định việc làm cho Người lao động. Tiền lương bình quân của Người lao động toàn Công ty 2.850.000 đồng/người/tháng, tăng 9,36% so với năm 2009 chưa kể các khoản thu nhập khác như dưới đây.

Công ty đã không ngừng nâng cao đời sống Cán bộ - Công nhân viên, ngoài buổi cơm trưa (và cơm chiều nếu có tăng ca) theo qui định, Công ty vẫn duy trì tổ chức thêm buổi ăn sáng cho toàn thể công nhân với đủ và vượt lượng calo cần thiết. Công ty cũng đã liên kết với người dân địa phương để xây dựng các khu nhà trọ đạt tiêu chuẩn cần thiết cho cuộc sống. Công ty có những chính sách ưu đãi cho Công nhân gắn bó lâu dài với Công ty bằng cách hỗ trợ 100% tiền thuê nhà trọ.

Thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, phụ cấp độc hại cho Người lao động. Đảm bảo khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn thể CB-CNV, trong đó Công nhân làm việc ở các khâu tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm.

Công ty đã áp dụng và thực hiện tốt các yêu cầu của Luật Lao động cũng như tiêu chuẩn Trách nhiệm Xã hội SA 8000, đảm bảo quyền lợi đầy đủ cho người lao động, có tổ chức độc lập kiểm tra, đánh giá thường xuyên. Qua đó, hầu hết người lao động yên tâm, ổn định việc làm.

Ngoài ra, Công ty tiếp tục duy trì các chế độ khen thưởng Bàn tay vàng hàng tháng đối với các Công nhân xuất sắc có năng suất cao, định mức chế biến tốt, ... nhằm khuyến khích và khen thưởng kịp thời cho Người lao động hăng hái thi đua và thực hành tiết kiệm.

Ngoài các hoạt động chăm lo đời sống vật chất cho Người lao động, Công ty còn chú trọng đến đời sống tinh thần của Người lao động. Công ty thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt văn nghệ tập thể, thi đấu thể dục thể thao, vui chơi giải trí vào các dịp Lễ lớn của đất nước, tổ chức đi tham quan du lịch dành cho các đối tượng có thành tích xuất sắc trong lao động và gắn bó với Công ty, là nòng cốt trong phong trào văn thể mỹ của HEPZA và KCN Vĩnh Lộc phát động.

Công ty còn lập tủ sách thanh niên và đặt mua báo thường xuyên hàng ngày để phân phối đến các khu nhà trọ, đảm bảo nhu cầu văn hóa, thông tin cho Công nhân.

Khu nhà trọ công nhân của Công ty được Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố (HEPZA) chọn làm khu điển hình trong việc giải quyết chỗ ở cho Người lao động có thu nhập thấp. Công ty đã đầu tư 2.733,90 m² đất nằm sát bên ngoài Khu Công nghiệp để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà lưu trú cho hơn 1.000 chỗ ở của Công nhân, nhà trẻ, các cửa hàng nhu yếu phẩm phục vụ cho Công nhân nhằm để họ yên tâm công tác và gắn bó lâu dài với Công ty. Công ty đang xây dựng Dự án và có kế hoạch thực hiện trong năm 2011 sau khi Dự án được duyệt và có nguồn tài trợ với chính sách ưu đãi của Nhà nước.

IV.3- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011

- Căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch qua các năm và kết quả thực hiện năm 2010;
- Căn cứ vào tốc độ tăng trưởng bình quân của Công ty qua các năm;
- Căn cứ vào năng lực thực tế của Công ty và bối cảnh thị trường trên thế giới hiện nay và dự đoán trong tương lai;

Công ty xây dựng kế hoạch SXKD trong năm 2011 như sau:

Kế hoạch sản lượng sản xuất

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2011	
	Sản lượng	Doanh thu
1/ XUẤT KHẨU	3.600 tấn	538,40 tỷ
Tôm các loại	3.000 tấn	484,00 tỷ
Nhóm Cá	400 tấn	33,40 tỷ
Nhóm Thực phẩm & Thủy sản khác	200 tấn	21,00 tỷ
2/ NỘI ĐỊA	100 tấn	5,00 tỷ
TỔNG CỘNG	3.700 tấn	543,40 tỷ

Nhu cầu Nguyên vật liệu – vật tư cho sản xuất

Nhóm Nguyên liệu – vật tư	Nhu cầu trong năm 2011
<i>Tỷ giá VNĐ/USD</i>	20.900
1/ Nguyên liệu chính	6.750 tấn
Nhóm Tôm	5.100 tấn
Nhóm Cá	800 tấn
Nhóm Thực phẩm & Thủy sản khác	400 tấn
2/ Trị giá nguyên liệu chính	349,00 tỷ
Nhóm Tôm	363,00 tỷ
Nhóm Cá	19,00 tỷ
Nhóm Thực phẩm & Thủy sản khác	9,00 tỷ
3/ Trị giá nguyên vật liệu phụ	23,60 tỷ
Bột	1,00 tỷ
Phụ gia	2,00 tỷ
Hóa chất	1,00 tỷ
Bao bì đóng gói	16,00 tỷ
Nhiên liệu, điện	3,60 tỷ

Các chỉ tiêu khác

Nhu cầu lao động	770 người
Trong đó : Trực tiếp	660 người
Gián tiếp	110 người
Tổng quỹ lương	39,750 tỷ
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	3.000.000 đ
Năng suất lao động bình quân (kg/người/ngày)	25 kg thành phẩm
Nhu cầu vốn lưu động	170,00 tỷ
Lợi nhuận trước thuế	26,00 tỷ
Lợi nhuận sau thuế	24,05 tỷ

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010

Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán được thể hiện như sau:

V.1 Bảng cân đối kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. Tài sản ngắn hạn	100		215,654,086,326	199,805,520,904
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1,496,144,356	4,403,676,458
1. Tiền	111		1,496,144,356	4,403,676,458
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	271,360,000	259,200,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		531,000,000	531,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(259,640,000)	(271,800,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	124,498,176,795	109,511,331,614
1. Phải thu khách hàng	131		103,402,602,547	68,510,065,538
2. Trả trước cho người bán	132		7,572,856,413	37,879,336,843
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		13,522,717,835	3,121,929,233
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	84,728,358,515	75,931,089,496
1. Hàng tồn kho	141		91,592,365,949	84,027,536,310
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6,864,007,434)	(8,096,446,814)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,660,046,660	9,700,223,336
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,992,790,986	8,293,555,926
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	414,032,286	525,850,873
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	253,223,388	880,816,537
B. Tài sản dài hạn	200		161,633,321,663	167,388,615,261
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		69,310,015,405	80,147,125,874
1. TSCĐ hữu hình	221	V.07	65,833,603,696	73,432,434,663
- Nguyên giá	222		119,938,270,045	117,172,417,489
- Giá trị hao mòn lũy kế	223			

			(54,104,666,349)	(43,739,982,826)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.08	3,476,411,709	3,787,086,909
- Nguyên giá	228		5,788,007,600	5,788,007,600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,311,595,891)	(2,000,920,691)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	2,927,604,302
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	78,561,182,824	76,161,182,824
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		65,026,276,051	65,026,276,051
3. Đầu tư dài hạn khác	258		13,534,906,773	11,134,906,773
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		13,762,123,434	11,080,306,563
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	13,762,123,434	11,080,306,563
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		377,287,407,989	367,194,136,165

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. Nợ phải trả	300			197,948,863,297	182,464,797,033
I. Nợ ngắn hạn	310			193,814,121,888	176,209,875,414
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11		156,535,872,654	124,136,094,037
2. Phải trả cho người bán	312	V.12		10,419,059,502	16,537,412,707
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12		560,000	593,406,153
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.13		1,923,234,615	2,435,343,586
5. Phải trả công nhân viên	315	V.14		4,102,500,397	5,929,633,827
6. Chi phí phải trả	316			-	-
7. Phải trả nội bộ	317			-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318			-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15		13,089,601,656	21,311,175,312
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			7,743,293,064	5,266,809,792
II. Nợ dài hạn	330			4,134,741,409	6,254,921,619
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.16		3,539,741,409	5,959,921,619
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			595,000,000	295,000,000
B. Vốn chủ sở hữu	400			179,338,544,692	184,729,339,132
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17		179,338,544,692	184,729,339,132
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411			128,070,000,000	128,070,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			24,156,097,000	24,156,097,000

3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	333,178,157	4,240,787,194
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	9,435,397,168	6,710,897,168
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	5,448,281,300	5,265,281,300
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420	11,895,591,067	16,286,276,470
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	377,287,407,989	367,194,136,165
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		31/12/2010	31/12/2009
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ký gửi		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		17,309.28	191,802.17
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

V.2 Báo cáo kết quả kinh doanh

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		307,739,599,421	447,108,633,195
2. Các khoản giảm trừ	02		1,844,227,000	3,879,857,356
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	305,895,372,421	443,228,775,839
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	251,573,779,073	372,507,949,159
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		54,321,593,348	70,720,826,680
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	9,901,313,410	8,803,238,611
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	15,718,019,427	21,351,100,825
- Trong đó: lãi vay	23		10,179,969,492	10,700,924,240
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	13,416,333,144	14,180,569,915
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	14,246,563,108	16,932,685,370
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20,841,991,079	27,059,709,181
11. Thu nhập khác	31	VI.07	1,681,709,097	4,162,740,467
12. Chi phí khác	32	VI.08	629,455,743	1,183,231,843
13. Lợi nhuận khác	40		1,052,253,354	2,979,508,624
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21,894,244,433	30,039,217,805
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	1,666,746,564	2,336,753,557
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20,227,497,869	27,702,464,248
18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1,579	2,163

V.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Notes	Năm 2010	Năm 2009
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		21,894,244,433	30,039,217,805
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		10,675,358,723	9,893,199,952
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	03 04		(1,244,599,380)	5,042,004,014
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05		185,288,261	-
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05		(4,240,787,194)	(22,787,478)
Chi phí lãi vay	06		10,179,969,492	10,700,924,240
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08		37,449,474,335	55,652,558,533
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(12,711,679,876)	53,039,637,628
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(7,564,829,639)	3,896,473,830
(Tăng)/giảm các khoản phải trả	11		(15,512,774,372)	(46,898,262,514)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		245,787,431	1,180,577,248
Tiền lãi vay đã trả	13		(10,179,969,492)	(10,700,924,240)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3,125,987,607)	(382,337,286)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(23,700,000)	(52,239,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11,423,679,220)	55,735,484,199
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(2,765,852,556)	(17,328,560,431)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22		-	1,150,019,048
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2,400,000,000)	(6,500,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5,165,852,556)	(22,678,541,383)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	33		527,928,529,948	766,111,728,702
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(495,036,030,274)	(785,967,264,827)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36		(19,210,500,000)	(12,803,900,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		13,681,999,674	(32,659,436,125)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2,907,532,102)	397,506,691
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4,403,676,458	4,006,169,767

V.4 Thuyết minh báo cáo tài chính

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064100 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 16 ngày 25/02/2008 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Vốn điều lệ đăng ký	868.000.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến 31/12/2010	128.070.000.000 đồng

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Tp. HCM.

Tổng số công nhân viên Công ty: 699 người.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất - thương mại - dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá - tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản rau quả và các sản phẩm từ rau quả;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai, sản xuất nước đá;
- Xây dựng công nghiệp – dân dụng – cầu đường;
- Nhà hàng ăn uống, giải khát;

- Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, kho bãi;
- Mua bán hàng nông - lâm – thủy – hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gỗ gia dụng;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; đào tạo nghề, môi giới bất động sản;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán);
- Dịch vụ kiểm đếm, xếp dỡ hàng hoá, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan, kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không;
- Cho thuê phương tiện vận tải, đại lý vận tải đường biển và đường hàng không, môi giới thương mại, đại lý bán vé máy bay;
- Mua bán xe ô tô ,xe gắn máy và phụ tùng xe, thiết bị viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư bổ sung số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009;

Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam;

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng (VND) được hạch toán theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán như sau (theo nội dung Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính):

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản công nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản phải thu dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản phải trả dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hồi đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc thiết bị	07 – 12
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nhãn hiệu hàng hoá

Nhãn hiệu hàng được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 20 năm.

Phần mềm kế toán

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

8. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

9. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ đến tháng 9/2049;
- Chi phí trả trước khác được phân bổ với thời gian từ 02 - 03 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Tất cả các khoản đầu tư vào chứng khoán đều được ghi nhận theo giá vốn, tức giá mua hợp lý của khoản đầu tư, kể cả các chi phí liên quan đến khoản đầu tư đó. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết dựa vào giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán chưa được niêm yết do chưa xác định được một cách chắc chắn giá trị hợp lý của chúng nên được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được nắm giữ với mục đích kinh doanh mua, bán trong ngắn hạn.

Đầu tư chứng khoán

Bao gồm chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán. Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có khả năng xác định được và Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Chứng khoán sẵn sàng để bán là chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết và không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

11. Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, tương xứng với doanh thu đã ghi nhận, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của Nhà cung cấp hay chưa.

12. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng như sau: Bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí là 16% và 6 % từ lương công nhân viên; Bảo hiểm y tế được trích vào chi phí là 3% và 1,5% từ lương công nhân viên và Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận dựa trên chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu phát hành ra thị trường.

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Quyết định của Hội đồng Quản trị và được Đại hội cổ đông thông qua.

14. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang bên mua.

Chi phí

Chi phí được ghi nhận khi thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

15. Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc xác định thuế thu nhập chịu thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thực hiện dự án đầu tư nhà máy chế biến thủy sản và thực phẩm đông lạnh, Công ty tự xác định được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15%; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Công ty là tổ chức có chứng khoán niêm yết lần đầu tại trung tâm giao dịch chứng khoán, nên được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm kể từ khi thực hiện việc niêm yết. Thời gian hưởng ưu đãi do có chứng khoán được niêm yết được tính kể từ khi kết thúc thời hạn miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp. Năm tài chính 2010 là năm thứ 6 Công ty có thu nhập chịu thuế.

Ngoài thuế Thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

17. Số dư đầu năm

Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm trước (năm 2009) đã được phân loại và trình bày lại cho phù hợp mẫu biểu báo cáo theo quy định hiện hành, một số chỉ tiêu khác được điều chỉnh lại (điều chỉnh hồi tố) theo đúng bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chi tiết các khoản mục đã được điều chỉnh như sau:

Bảng cân đối kế toán

Khoản mục điều chỉnh	Số dư tại ngày 31/12/2009	Số dư tại ngày 01/01/2010	Chênh lệch tăng/(giảm)
I. Nợ ngắn hạn			
1. Vay và nợ ngắn hạn (*)	125.097.674.037	124.136.094.037	(961.580.000)
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (*)	2.440.976.018	2.435.343.586	(5.632.432)
3. Các khoản phải trả ngắn hạn khác (*)	19.156.999.931	21.311.175.312	2.154.175.381
4. Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	2.447.522.014	5.266.809.792	2.819.287.778
II. Vốn chủ sở hữu			
5. Quỹ khác thuộc vốn CSH (Quỹ khen thưởng ban điều hành)	2.900.000.000	0	(2.900.000.000)
6. Lợi nhuận chưa phân phối (*)	17.392.527.197	16.286.276.470	(1.106.250.727)

Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Khoản mục điều chỉnh	Số liệu năm 2009	Điều chỉnh lại số liệu so sánh	Chênh lệch tăng/(giảm)
1. Giá vốn hàng bán	370.353.773.778	372.507.949.159	2.154.175.381

2. Chi phí hoạt động tài chính	22.312.680.825	21.351.100.825	(961.580.000)
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	31.231.813.186	30.039.217.805	(1.192.595.381)
4. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.342.385.989	2.336.753.557	(5.632.432)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	28.889.427.197	27.702.464.248	(1.186.962.949)
5. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	2.256	2.163	(93)

(*) Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố do phát hiện ra sai sót trong báo cáo tài chính năm trước (năm 2009). Việc điều chỉnh hồi tố các chỉ tiêu này nhằm tránh những ảnh hưởng của chúng đến các báo cáo tài chính năm nay (2010).

VI. GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VI.1 Kiểm toán độc lập

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010
của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo Tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (“Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010, được lập ngày 24 tháng 02 năm 2011.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo Tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo Tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản tại ngày 31/12/2010, cũng như Kết quả sản xuất kinh doanh và Tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Nguyễn Lương Nhân
Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182/KTV
Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam
Tp. HCM, ngày 24 tháng 02 năm 2011

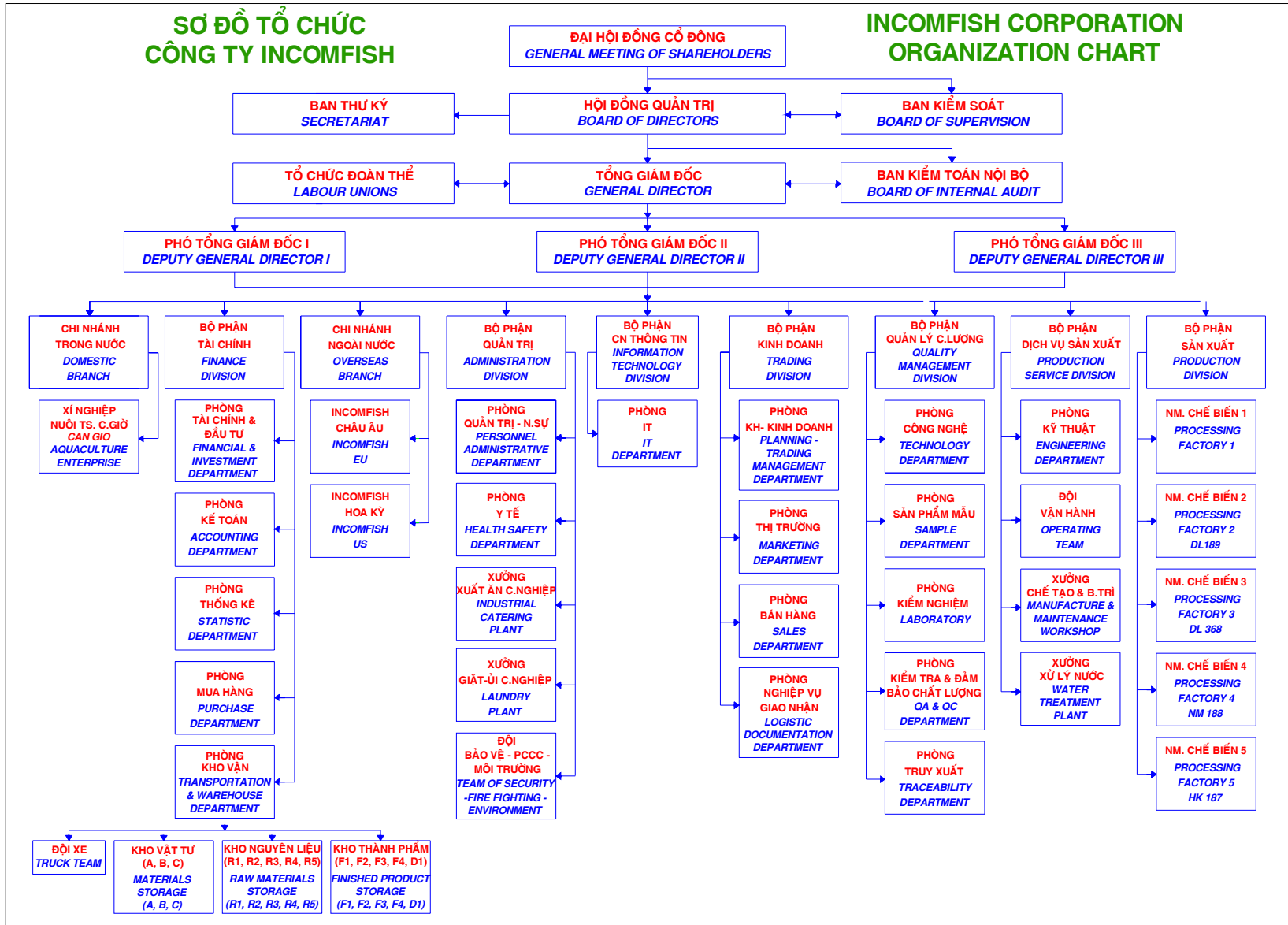
Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số
0985/KTV

VI.2 Kiểm toán nội bộ

Ban Kiểm toán nội bộ đã kiểm tra tính tuân thủ trong quá trình hoạt động của Công ty và tính trung thực của các Báo cáo tài chính hàng quý, năm 2010.

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

VII.1. Sơ đồ tổ chức Công ty



Số lượng Cán bộ Công nhân viên tính đến 31/12/2010 là 428 người (chưa bao gồm lao động thời vụ 271 người). Trong đó:

- + Thạc sĩ: 01 người
- + Đại học: 47 người
- + Cao đẳng và trung cấp: 63 người

Cố cấu phân bố lao động:

- + Trực tiếp: 598 người
- + Gián tiếp: 101 người

VII.2 Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc

VII.2.1 Hội đồng Quản trị

Số lượng thành viên: 06 người, trong đó: + Thành viên bên trong: 4 người
+ Thành viên bên ngoài: 2 người

1. Nguyễn Thị Kim Xuân - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 24/6/1959
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Khánh Hưng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng
- Địa chỉ thường trú: 16 Trần Cao Vân, P. Đakao, Quận 1, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84.8) 37 653 145
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Chế biến Thủy sản
- Quá trình công tác:
 - Từ 1981 – 1991: Trưởng ban Kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS) Xí nghiệp Đông lạnh Việt Long – Sở Thủy sản Tp. HCM
 - Từ 1991 – 1999: Giám đốc Trung tâm Đầu tư & XNK – Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sài Gòn
 - Từ 1999 đến nay: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (Incomfish)
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân và những người liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 2.348.522 cổ phần (18.34%)
- Những người liên quan:
 - Ông Nguyễn Phát Quang (chồng): 540.000 cổ phần
 - Bà Nguyễn Thị Kim Thủy (chị): 971.000 cổ phần
 - Bà Nguyễn Thị Kim Thu (em): 970.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2 Nguyễn Phát Quang – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 25/6/1952
- Nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tp. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú: 24 Nguyễn Thị Diệu, P. 6, Quận 3, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84.8) 38 235 665
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Ngoại thương
- Quá trình công tác:
 - Từ 1975 – 1981: Cán bộ Bộ Nông nghiệp
 - Từ 1981 – 1991: Cán bộ Bộ Thủy sản
 - Từ 1991 – 2008: Chuyên viên Kinh tế CQ.TƯĐ TNCS HCM
- Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Thủy sản Á Châu.
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 540.000 cổ phần (4.22%)
 - Những người liên quan:
 - Bà Nguyễn Thị Kim Xuân (vợ): 2.348.522 cổ phần
 - Ông Nguyễn Phát Quang Vinh (em): 35.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

3. Trịnh Bá Hoàng – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 01/8/1960
- Nơi sinh: Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Trường Bình, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An
- Địa chỉ thường trú: 4A1-6 Sky Garden 2, Đô thị Phú Mỹ Hưng, P. Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84.8) 37 653 145
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản lý xí nghiệp Công Nghiệp, Cử nhân Kinh tế Ngoại thương.
- Quá trình công tác:
 - Từ 11/1983 – 4/1986: Nhân viên Phòng kế hoạch Công ty Khai thác và chế biến Thủy sản Đà Nẵng
 - Từ 4/1986 – 7/1987: Trợ lý Giám đốc Xí nghiệp Đông lạnh số 14 – Tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (Công ty Khai thác và Chế biến Thủy sản Đà Nẵng sáp nhập vào Đông lạnh số 14)
 - Từ 7/1987 – 5/1998: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh, Xí nghiệp Đông lạnh 32 Đà Nẵng (tách ra từ Đông lạnh số 14)
 - Từ 5/1998 – 9/2001: Phó Giám đốc Kinh doanh Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước (tiền thân là XN Đông lạnh 32 Đà Nẵng)
 - Từ 10/2001 – 6/2002: Trưởng ban Quản lý dự án Nhà máy chế biến Thủy sản thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (Incomfish), đặt tại KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, Tp. HCM
 - Từ 6/2002 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Incomfish
- Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám đốc Công ty Incomfish
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân: 277.200 cổ phần (2.16%)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

4. Nguyễn Thị Kim Thu – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 15/4/1961
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Khánh Hưng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng
- Địa chỉ thường trú: 16 Trần Cao Vân, P. Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84.8) 37.653.142
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Thạc sỹ Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 01/1984 – 11/1994: Nhân viên Phòng Kế toán Tài chính – Công ty Cấp nước Tp. HCM
 - Từ 12/1994 – 9/2002: Kế toán trưởng Ban QLDA VIE – 1273 (SF) / Công ty Cấp nước Tp. HCM
 - Từ 10/2002 – 8/2003: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (Incomfish)
 - Từ 9/2003 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (Incomfish)
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính Công ty Incomfish
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 970.000 cổ phần (7.57%)
 - Những người có liên quan:
 - Bà Nguyễn Thị Kim Xuân (chị): 2.348.522 cổ phần
 - Bà Nguyễn Thị Kim Thủy (chị): 971.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

5. Cao Thanh Định – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/4/1972
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Định
- Địa chỉ thường trú: 80/73/25 Hoàng Hoa Thám, P. 7, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM
- Trình độ văn hóa: Đại học

- Trình độ chuyên môn:
 - Cử nhân Tài chính - Ngân hàng ,Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - 1995 - 2000: Giám đốc tín dụng Ngân hàng Deutsche Bank
 - 2001 - 2002: Giám đốc Quan hệ khách hàng Ngân hàng United Overseas Bank
 - 2002 - 2003: Trưởng phòng kinh doanh Công ty BHNT Bảo Minh - CMG
 - 2003 đến nay: Trưởng khối Đầu tư - Dịch vụ Tài chính Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng khối Đầu tư - Dịch vụ Tài chính Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân và những người liên quan:
- Sở hữu cá nhân: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

6. Erik J.F.Smeys – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 14/9/1964
- Nơi sinh: Louvain, Bỉ
- Quốc tịch: Bỉ
- Dân tộc: Bỉ
- Quê quán: Bỉ
- Địa chỉ thường trú: Oude Aarschotseweg 8, 3012 Wilsele, Bỉ
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: +32 497 59 07 30
- Trình độ văn hóa : Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Thạc sỹ Luật, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - Từ 7/1988 – 10/1988: Thực tập sinh tại Công ty Luật Fisher Porter & Kent – Long Beach California – Luật vận chuyển quốc tế
 - Từ 7/1989 – 02/1992: Chuyên viên Phòng kế hoạch Công ty Thực phẩm Campbell ở Orpington, Anh quốc. Nhiệm vụ chính:

- Lập kế hoạch chiến lược 5 năm, thực hiện các kế hoạch ngân sách cho Công ty, kiểm soát và báo cáo tiến độ thực hiện
 - Từ 02/1993 – 5/1995: Chuyên viên tài chính và chiến lược của Công ty REDASCO. Nhiệm vụ chính:
 - Xác định và phân tích các cơ hội hợp tác kinh doanh
 - Điều hành các hoạt động kinh doanh của các chi nhánh của Công ty
 - Tư vấn chiến lược cho Hội Đồng Quản Trị
 - Tư vấn chiến lược M&A cho nhiều khách hàng khác nhau trong các lĩnh vực công nghiệp khác nhau
 - Từ 6/1995 – 11/2000: Giám đốc điều hành Công ty chế biến và phân phối thực phẩm Made in Sea với các chi nhánh tại Bỉ, Đức, Tây Ban Nha, Pháp. Nhiệm vụ chính:
 - Giám sát hoạt động hàng ngày của 2 nhà máy tại Bỉ và Đức và 3 văn phòng chi nhánh kinh doanh tại Pháp, Tây Ban Nha và Mỹ
 - Cải tiến phương pháp quản lý các chuỗi kinh doanh hướng tới mục đích tạo ra giá trị cộng thêm cho công ty và các đối tác kinh doanh
 - Bán hàng và tiếp thị: Quản lý phát triển kinh doanh và tốc độ tăng trưởng của Công ty, quản lý các khách hàng lớn của Công ty ở Châu Âu, Trung Đông và Mỹ
 - Quản lý kênh cung cấp: Mua hàng ở Châu Âu, Viễn Đông (Việt Nam, Trung Quốc, Indonexia, Thái Lan, Bangladesh) và Châu Mỹ La tinh, giám sát hệ thống giao nhận và các hoạt động nhập khẩu.
 - Từ 02/2001 đến nay: Phó giám đốc Công ty tư vấn kiểm toán KPMG tại Brussel, Bỉ. Nhiệm vụ chính: Tư vấn các chiến lược kinh doanh và phân tích vốn đầu tư.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó giám đốc Công ty tư vấn kiểm toán KPMG tại Brussel, Bỉ
 - Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân: 123.800 cổ phần (0.97%)
 - Những người liên quan: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

VII.2.2 Thành viên Ban Kiểm soát

1. Nguyễn Thị Ngọc Thảo - Trưởng Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 28/5/1957
- Nơi sinh: Sài Gòn
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: 147 Trần Hữu Trang, P. 10, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84-8) 37 653 145
- Trình độ văn hóa: Trung cấp
- Trình độ chuyên môn: Kế toán trưởng
- Quá trình công tác:
 - Từ 1977 – 1981: Kế toán trưởng Xí nghiệp Cơ khí Đồng Khởi – Sở Công nghiệp Tp. HCM
 - Từ 1981 – 1985: Kế toán tổng hợp Công ty RAMEICO
 - Từ 1985 – 1991: Kế toán tổng hợp Công ty COSEVINA
 - Từ 1991 – 1999: Kế toán trưởng Trung tâm Đầu tư & XNK
 - Từ 1999 – 2003: Phó giám đốc Tài chính Công ty Incomfish
 - Từ 2003 đến nay: Thành viên Ban kiểm toán nội bộ Công ty Incomfish
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm toán nội bộ kiêm Trưởng Ban Kiểm soát
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân: 16.000 cổ phần (0.12%)
- Những người liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2. Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ NGỌC LINH
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 21/02/1976
- Nơi sinh: Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Dân Hòa, Huyện Thanh Oai, Tỉnh Hà Tây
- Địa chỉ thường trú: Số 4, ngõ 50/6 Chính Kinh, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84-8) 38 218 666 Ext: 166
- Trình độ chuyên môn:
 - Cử nhân Kinh tế .
 - Thạc sỹ Tài chính công - Fulbright – ĐH Havard
- Quá trình công tác:
 - Từ 1998 – 2003: Kế toán trưởng – Công ty FINTEC
 - Từ 2004 – nay: Tổ trưởng Tài chính Quản trị – Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
 - Từ 2006 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân
 - Từ 2006 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành
 - Từ 04/2007 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản
- Chức vụ công tác hiện nay: Tổ trưởng Tài chính Quản trị – Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á, Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân: Không
- Những người liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

3. Nguyễn Thị Hạnh Phúc – Thành viên Ban kiểm soát

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 21/11/1957
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: P59-C9 Kim Liên, Q.Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84.4) 35.147.140/090.3381.4290
- Trình độ văn hóa: Đại học

- Trình độ chuyên môn: Tài chính ngoại thương
- Quá trình công tác:
 - Từ 1978 – 1987: Giáo viên trường PTCS Huỳnh Thúc Kháng, Hải Phòng
 - 1987 – 1988: Kế toán Công ty Giao nhận Ngoại thương, Bộ Ngoại thương
 - 1988-1992: Kế toán Công ty ESACO, Tp. Hồ Chí Minh
 - 1993 -1997: Cán bộ kinh doanh Công ty Hạ Long, Bộ quốc phòng
 - 1997 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Maika
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân: Không
- Những người liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

VII.2.3 Thành viên Ban Tổng giám đốc

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc hiện gồm 3 thành viên.

1. *Trịnh Bá Hoàng - Tổng giám đốc*

Xem chi tiết phần Hội đồng Quản trị.

2. *Nguyễn Thị Kim Thu - Phó Tổng giám đốc*

Xem chi tiết phần Hội đồng Quản trị.

3. *Đặng Việt Hùng - Phó Tổng giám đốc*

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 08/02/1963
- Nơi sinh: Tp. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tp. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa
- Địa chỉ thường trú: 92/2C Nguyễn Trãi, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. HCM.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84-8) 37 653 145
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nhiệt

- Quá trình công tác:
 - Từ 1987 – 3/2000: Nhân viên kỹ thuật rồi Quản đốc phân xưởng Cơ điện lạnh Nhà máy F115, Tp. Nha Trang.
 - Từ 3/2000 – 11/2000: Nhân viên kỹ thuật Công ty Searefico tại Tp. HCM.
 - Từ 11/2000 đến nay: Lần lượt làm Phó ban quản lý dự án, Giám đốc bộ phận Dịch vụ sản xuất, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản tại Tp. HCM.
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 4.340 cổ phần (0,03%)
 - Những người liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

VII.2.4 Kế toán trưởng: Lại Tuyết Thanh

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 11/11/1975
- Nơi sinh: Tp. Biên Hòa – Tỉnh Đồng Nai
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 38 Đường số 21, P. Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84-8) 37 653 139/145
- Trình độ văn hóa: Đại học.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Cử nhân Ngoại Ngữ
- Quá trình công tác:
 - Từ 1998 - 3/2003: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH XD Song Trà, Tp. HCM.
 - Từ 4/2003 - 2006: Kế toán trưởng Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư TM-DV Ái Sĩ, Tp. HCM
 - Từ 2007 - 3/2009: Kế toán trưởng Công ty TNHH Tư Vấn Kiểm Toán Đất Việt, Tp. HCM
 - Từ 4/2009 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (Incomfish)
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân: Không

- Những người liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

VIII.1 Tổng quan về Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

* Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị: 06 người,

trong đó: + thành viên bên trong: 04 người
+ thành viên bên ngoài: 02 người

1/. Nguyễn Thị Kim Xuân - Chủ tịch HĐQT	Nhiệm kỳ 2006 – 2010
2/. Nguyễn Phát Quang Phó Chủ tịch HĐQT	Nhiệm kỳ 2006 – 2010
3/. Trịnh Bá Hoàng Thành viên	Nhiệm kỳ 2006 – 2010
4/. Nguyễn Thị Kim Thu Thành viên	Nhiệm kỳ 2006 – 2010
5/. Cao Thanh Định Thành viên	Nhiệm kỳ 2006 – 2010
6/. Erik Smeys Thành viên	Nhiệm kỳ 2006 – 2010

* Số lượng thành viên Ban Kiểm soát: 03 người

trong đó: + thành viên bên trong: 01 người
+ thành viên bên ngoài: 02 người

* Hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Trong số thành viên của Hội đồng Quản trị có 02 thành viên bên ngoài không tham gia điều hành Công ty:

1/ Ông Cao Thanh Định

Hiện là Trưởng khối đầu tư dịch vụ tài chính của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á. Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ... và được phân công phụ trách về 2 lĩnh vực này cho HĐQT.

2/ Ông Erik Smey

Hiện đang sống tại Bỉ. Với thuận lợi là người bản xứ, Ông Erik có nhiều kinh nghiệm về thị trường và yêu cầu đòi hỏi của người tiêu dùng Châu Âu, Hoa kỳ, ... Ông đã hỗ trợ Công ty về mặt khai thác thị trường và chăm sóc khách hàng.

*** Hoạt động của Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát đã kiểm tra tình hình hoạt động của Công ty và tính trung thực của các Báo cáo Tài chính hàng quý, năm 2010.

*** Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty**

Thường xuyên cập nhật các kiến thức quản trị doanh nghiệp, tuân thủ các nguyên tắc quản trị Công ty. Cử cán bộ quản lý cấp cao, cấp trung tham gia các khóa đào tạo quản lý doanh nghiệp; quản lý chuyên ngành; nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

*** Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát**

Đến hết niên khóa tài chính 2010, ngoài tiền lương của các thành viên trực tiếp điều hành, Công ty đã chi thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát 360 triệu đồng theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2009.

*** Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty :**

- Nguyễn Thị Kim Xuân
- Nguyễn Phát Quang
- Trịnh Bá Hoàng
- Nguyễn Thị Kim Thu
- Nguyễn Thị Ngọc Thảo

*** Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Thành viên Hội đồng Quản trị:**

Xem bảng Cơ cấu vốn cổ đông tại mục **VIII.2**.

*** Cổ đông lớn và các giao dịch khác của các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát và những người có liên quan tới các đối tượng nói trên**

Đã cập nhật chi tiết tại mục **VII.2**.

VIII.2 Các dữ liệu thống kê về cổ đông (tính đến ngày 17/3/2011)

CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn chủ sở hữu	12,480,950	124,809,500,000	97.45%	326,050	3,260,500,000	2.55%	12,807,000	128,070,000,000	100.00%
1. Cổ đông đặc biệt	4,156,062	41,560,620,000	32.45%	123,800	1,238,000,000	0.97%	4,279,862	42,798,620,000	33.42%
- Hội đồng Quản trị	4,135,722	41,357,220,000	32.29%	123,800	1,238,000,000	0.97%	4,259,522	42,595,220,000	33.26%
- Ban Tổng giám đốc	4,340	43,400,000	0.03%	-	-	0.00%	4,340	43,400,000	0.03%
- Ban Kiểm soát	16,000	160,000,000	0.12%	-	-	0.00%	16,000	160,000,000	0.12%
2. Cổ đông cá nhân khác	8,149,260	81,492,600,000	63.63%	177,500	1,775,000,000	1.39%	8,326,760	83,267,600,000	65.02%
3. Cổ đông tổ chức	155,861	1,558,610,000	1.22%	22,640	226,400,000	0.18%	178,501	1,785,010,000	1.39%
4. Cổ phiếu chưa lưu ký	19,767	197,670,000	0.15%	2,110	21,100,000	0.02%	21,877	218,770,000	0.17%
5. Cổ phiếu quỹ	-	-	0.00%	-	-	0.00%	-	-	0.00%

CƠ CẤU TỈ LỆ SỞ HỮU

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn Chủ sở hữu	12,480,950	124,809,500,000	97.45	326,050	3,260,500,000	2.55	12,807,000	128,070,000,000	100.00
Cổ đông sáng lập	3,335,522	33,355,220,000	26.04		-	-	3,335,522	33,355,220,000	26.04
Cổ đông sở hữu trên 5% CP có quyền biểu quyết	4,968,222	49,682,220,000	38.79		-	-	4,968,222	49,682,220,000	38.79
Cổ đông nắm giữ dưới 1% CP có quyền biểu quyết	1,755,716	17,557,160,000	13.71	326,050	3,260,500,000	2.55	2,081,766	20,817,660,000	16.25

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản
Chủ tịch HĐQT.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Xuân